

Bản án số: 172 /2023/ HNGĐ-ST  
Ngày 16 - 10 - 2023  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng.*

*-Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Trước.  
2. Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

*-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*

*-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.*

Ngày 16 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 394/2023/ TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987*

*Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long*

*Bị đơn: Chị Nguyễn Thị R, sinh năm 1987*

*Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*-Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Qua mai mối anh và chị R tiến đến hôn nhân vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Giấy chứng nhận kết hôn số 34 cấp ngày 12/4/2016. Trong thời gian chung sống đến tháng 01/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên

cự cãi, dù đã cố gắng khắc phục nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn. Anh yêu cầu ly hôn với chị R.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 05/01/2018. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

*- Bị đơn chị Nguyễn Thị R trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Do vợ chung sống với mẹ chồng nên trong sinh hoạt hàng ngày giữa chị và mẹ chồng không hiểu nhau dẫn đến mâu thuẫn với mẹ chồng, sự việc này cách đây khoảng 02 năm, thời gian gần đây nhất là tháng 02/2023 giữa chị và mẹ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, do không thể sống chung với mẹ chồng nên chị đã về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Thời gian chị về nhà mẹ ruột sống anh Đ cũng có qua lại với chị, khoảng 02 tháng nay anh Đ không qua lại nữa. Khi giận nhau chị có nhắn tin nói ly dị với anh Đ nhưng đó chỉ là lúc vợ chồng giận nhau, hiện tại chị vẫn còn thương anh Đ, chị không đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trường hợp ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh Đ nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

*- Ý kiến của nguyên đơn tại Tòa: Anh Đ vẫn bảo lưu ý kiến ly hôn với chị R, không yêu cầu được đoàn tụ do không còn tình cảm với chị R và không muốn gặp chị R nữa. Anh yêu cầu tiếp tục nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.*

*- Ý kiến của bị đơn tại Tòa: Chị R không đồng ý ly hôn với anh Đ vì vẫn còn thương anh Đ. Trường hợp ly hôn chị đồng ý giao con cho anh Đ nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị R tiến đến hôn nhân được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 cấp ngày 12/4/2016. Do đó hôn nhân của anh Đ và chị R là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Sau khi cưới anh Đ và chị R sống chung với mẹ của anh Đ, do chị R có những mâu thuẫn với mẹ anh Đ nên thường xuyên cự cãi, chính từ việc này làm cho tình cảm vợ chồng của anh chị có những bất đồng, thời gian sống chung chị R có nhiều lần bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, theo anh Đ trình bày trước đây anh đã cho cơ hội vợ chồng đoàn tụ với nhau, nhưng lần này thì anh không đồng ý vì chị R không có sửa đổi, thời gian xa cách anh không còn tình cảm với chị R, do đó anh không có yêu cầu được đoàn tụ cùng chị R.

Xét thấy hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau nhưng hôn nhân của anh Đ và chị R đã có nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn được. Qua các cần hòa giải và tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã động viên cho anh chị được đoàn tụ nhưng anh Đ không đồng ý. Do đó xét yêu cầu ly hôn của anh Đ là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Cháu Nguyễn Hiếu N hiện do anh Đ nuôi dưỡng. Anh Đ yêu cầu được nuôi con, chị R cũng đồng ý. Do đó giao cháu N cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị R.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hiếu N, sinh ngày: 05/01/2018 cho anh

Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị R có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn nộp 300.000 đồng ( Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0005239 ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã Long An, Long Hồ, Vĩnh Long;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án. /.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Võ Công Bằng**